

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhân dân Gia Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhân Dân Gia Định.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ms. Bình, sdt: 028.3841.2692-267, email: binhntm@bvndgiadinh.org.vn.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị Y tế, Bệnh viện Nhân Dân Gia Định (Địa chỉ: số 01 Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh, TP.HCM. Điện thoại: 0933.072.897 - 028.3841.2692-267). Đề nghị nhà thầu ghi rõ nội dung báo giá ở bìa bì thư.
 - Nhận qua email: Quý Công ty/ Đơn vị cung cấp gửi file excel và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email: P.VTTBYT.267@gmail.com và binhntm@bvndgiadinh.org.vn.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến trước 15 giờ 00 ngày 03 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá theo danh mục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nhân dân Gia Định.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện, và không quá 24 giờ đối với hàng hóa cấp cứu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% giá trị của đơn hàng bằng chuyển khoản trong vòng 90 ngày sau khi Công ty cung cấp đầy đủ hóa đơn và chứng từ thanh toán hợp lệ.

5. Các thông tin khác:

- Giấy phép/ ủy quyền bán hàng của hãng.
- Hồ sơ kỹ thuật sản phẩm gồm catalogue, datasheet, ... và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác.
- Kết quả trúng thầu trong thời gian 120 ngày kể từ ngày của yêu cầu báo giá này (Quyết định trúng thầu hoặc Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng hoặc Thông báo trúng thầu hoặc Hợp đồng có đính kèm danh mục trúng thầu) (nếu có).
- Hợp đồng tương tự đã thực hiện (nếu có) hoặc hóa đơn bán hàng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VTTB, VT.



Nguyễn Hoàng Hải

**DANH MỤC HÀNG HÓA**

Danh mục Thông báo mời báo giá ngày 25/10/2023)

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
1	Dung dịch làm sạch, tẩy rửa dụng cụ y tế	Hỗn hợp enzym làm sạch, tẩy rửa dụng cụ và các chất hoạt động bề mặt, can 5 lít	Can	600
2	Dung dịch làm sạch tẩy rửa dụng cụ 5 thành phần	Hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt	Can 5L	600
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ trung bình	Polyhexanide, didecylmethylamonium chloride, nồng độ sử dụng 0.5%	Can 5L	240
4	Dung dịch tẩy rửa, khử khuẩn dụng cụ mức độ cao, can 5 lít	0,55% Ortho- Phthalaldehyde, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa), có kèm que thử, thời gian ngâm 5 phút, tái sử dụng trong 14 ngày	Can 5 lít	1.200
5	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao	Glutaraldehyde 2%	Can 5 lít	200
6	Dung dịch tẩy rửa, khử khuẩn dụng cụ mức độ cao	Dung dịch khử trùng dụng cụ: 0.55% Ortho-Phthalaldehyde, có kèm que thử, thời gian ngâm khử khuẩn ≥ 14 ngày, thời gian tái sử dụng ≥ 14 ngày	lít	6.000
7	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn dụng cụ	Tương đương 14% Quaternary ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	Can	500
8	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn	Alpha terpineol 0,3% hoặc tương đương	Lít	6.000
9	Dung dịch rửa tay trước phẫu thuật	chlorhexidine digluconate 4%, chai 500ml	Chai	6.000
10	Dung dịch sát khuẩn povidine	1% kl/kl povidone iodine, 50% kl/kl isopropyl alcohol, dạng chai xịt 250ml	Chai	1.000
11	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh	Tương đương 45% kl/tt ethanol, 18% kl/tt n-propanol, có chất bảo vệ (allantoine, bisabolol) và đường da (panthenol)	Chai	6.500
12	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh. Chai 500ml	Chai	10.000
13	Dung dịch tắm trước phẫu thuật Chlorhexidine gluconate 2%	Chlorhexidine gluconate 2% (kl/tt), chai 50ml	Chai	5.000
14	Dung dịch tắm trước phẫu thuật Chlorhexidine gluconate 4%	chlorhexidine digluconate 4% (kl/tt), chai 30ml	Chai	5.000
15	Khăn lau sát khuẩn bề mặt	propanol, Didecylmethylamonium chloride	Gói	300
16	Khăn giấy ướt sát trùng tay khoan	Khăn giấy ướt sát trùng tay khoan	Hộp	100
17	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dạng xịt	Polyhexanide, didecylmethylamonium chloride 1	chai 1 lít	300
18	Dung dịch khử khuẩn nhanh các bề mặt dạng xịt	Didecylmethyl ammonium chloride, Chlorhexidine digluconate, Ethanol.	chai 1 lít	300
19	Dung dịch phun sương khử khuẩn	Hydrogen peroxide 5,0 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w), nước tinh khiết. Tương thích máy Máy phun sương khử khuẩn Q-Jet.	Can 5 lít	300
20	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt	Tương đương 0,13% peracetic acid + 2,5% hydrogen peroxide + 5% acetic acid, không chứa ion Bạc	Can 2 lít	600
21	Viên nén khử khuẩn hoặc tương đương	50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram) - hoặc tương đương	Viên	50.000
22	Dung dịch bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ	Dung dịch bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ	Can	60
23	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ tương thích với máy Belimed	Can 10 lít	50
24	Dung dịch làm sạch vết thương	Dung dịch sát khuẩn rửa vết thương, trong suốt có chứa polyhexanide 0,1% và betain 0,1%	Chai	500
25	Aceton 500ml	Aceton	ml	50.000
26	Acid Acetic 500ml	Acid Acetic	Chai	300
27	Cồn 70 độ	Cồn 70 độ	Lít	50.000
28	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ	Lít	10.000
29	Cồn 96 độ	Cồn 96 độ	Lít	5.000
30	Cồn tuyệt đối 100 độ C	Cồn tuyệt đối 100 độ C	Chai	2.000
31	Oxy già 30%	Hydrogen peroxide 30%	Chai 500ml	200
32	Xylen	Xylen	Chai	1.000
33	Nước tẩy Javel	Javel 7% - 10%	Lít	40.000
34	Vôi SODA	Vôi SODA	Kg	4.000
35	Gel siêu âm	Gel siêu âm	Can 5 lít	3.000
36	Acid citric	Acid citric	kg	1.200
37	Acid benzoic 250g	Acid benzoic 250g	chai	30
38	Formalin đậm trng tính 10%	Formalin đậm trung tính 10%	chai	500
39	Iodine	Iodine	chai	30
40	Methylen Blue 100g	Methylen Blue 100g	chai	30
41	Natri Hydrocacbonat CN	Natri Hydrocacbonat công nghiệp	Kg	500
42	Natri Hydrocacbonat	Natri Hydrocacbonat dạng uống, chai 100g	chai	30
43	Potassium iodide (KI)	Potassium iodide (KI)	chai	30
44	Than hoạt	Than hoạt	kg	50



STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
45	Vaseline	Vaseline	kg	50
46	Que thử đường huyết kèm thiết bị lấy máu dùng 1 lần đã tích hợp kim	Que thử đường huyết sử dụng theo máy (bao gồm que + kim lấy máu, dòng máy sử dụng trong cơ sở y tế): - Phạm vi đo: 10 - 600 mg/dL (0.6 - 33.3 mmol/L) - Giới hạn Hematocrite là 10 - 65 % - Loại mẫu: mao mạch, máu trẻ sơ sinh. - Phương pháp: Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose.	Bộ (1 que + 1 kim)	240.000
47	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu	Mỗi ống mẫu chứa 12% Kaolin, 0.05M CaCl ₂ , dung dịch đệm HEPES (hydroxyethyl-piperazine-ethanesulfonic axit) & chất diệt khuẩn Sodium azide - Tương thích máy ACT Plus	Cái	1.000
48	Thẻ xét nghiệm EG7+	Thẻ xét nghiệm EG7+ Bao gồm thông số: Na, K, iCa, pH, PCO ₂ , PO ₂ , TCO ₂ , HCO ₃ , Bectf, sO ₂ , Hematocrit (Hct), Hemoglobin (Hgb).	card	1.000
49	Test đo khí máu động máu	Dùng cho máy phân tích điện giải khí máu E poc để định lượng khí máu, điện giải và chuyển hóa gồm: -pH, pCO ₂ , pO ₂ , Na+, K+, Ca++, Clorua, Glucose, Lactate, Creatinine và tỷ lệ hồng cầu.	test	1.000
50	Pylory test	Dùng để phát hiện và định danh nhanh Helicobacter pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày hoặc trên môi trường nuôi cấy.	test	50.000
51	Thuốc thử xét nghiệm GCDFP-15 (EP1582Y)	Kháng thể đơn dòng kháng GCDFP-15 (EP1582Y), được đóng gói trong ống phân phối sử dụng một lần, một lần phân phối tương đương với 100µl	Test	50
52	Bộ khuếch đại tín hiệu OptiView (dùng cho kháng thể khó)	Bộ khuếch đại tín hiệu cho bộ phát hiện hóa mô miễn dịch màu nâu tăng cường chứa đủ lượng thuốc thử cho 50 xét nghiệm: - Một ống hóa chất khuếch đại 5 mL chứa tyramide gắn chất kết nối mang HQ (<40 µg/mL) - Một ống hóa chất khuếch đại đa phân tử 5 mL chứa kháng thể chuột kháng HQ:HRP (<10 µg/mL) - Một ống H ₂ O ₂ 5 mL chứa dung dịch H ₂ O ₂ 0.04%	Test	500
53	Bộ phát hiện nâng cao OptiView	Bộ phát hiện màu nâu hóa mô miễn dịch loại tăng cường Optiview chứa lượng thuốc thử đủ cho 250 xét nghiệm: - Một ống hóa chất Ức chế Peroxidase 25 mL chứa dung dịch hydrogen peroxide 3.0% . - Một ống kháng thể HQ Universal Linker 25 mL chứa hỗn hợp các kháng thể thứ cấp (kháng thể kháng IgG chuột từ dê, kháng thể kháng IgM chuột từ dê, kháng thể kháng thỏ từ dê) gắn HQ (HQ là một hapten thích hợp để gắn cộng hợp với kháng thể từ dê) (<50 µg/mL) - Một ống hóa chất đa kháng thể gắn cộng hợp HRP 25 mL chứa kháng thể thứ 3 là một kháng thể đơn dòng từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP (<40 µg/mL) - Một ống hóa chất H ₂ O ₂ 25 mL chứa 0.04% hydrogen peroxide - Một ống hóa chất DAB 25 mL chứa 0.2% 3, 3' - diaminobenzidine tetrahydrochloride (DAB) - Một ống hóa chất Copper 25 mL chứa đồng sulfat (5.0 g/L)	Test	1.250
54	Chứng âm đơn dòng dùng cho các xét nghiệm PD-L1 - dòng đánh giá tiên lượng và xét nghiệm ALK	Thuốc thử Rabbit Monoclonal Negative Control Ig chứa lượng thuốc thử đủ để nhuộm 250 tiêu bản. Thuốc thử 25 mL Rabbit Monoclonal Negative Control Ig chứa khoảng 250 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ.	Test	500
55	Chất chuẩn xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động hoàn toàn.	- Hóa chất dùng để hiệu chỉnh cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥100 mẫu/giờ . Phương pháp: công nghệ chụp hình ảnh trên công phân tích, xác định được màu sắc của nước tiểu.[up E-hsmt.xlsx]up	ml	4.600
56	Chất chứng xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động hoàn toàn.	Hóa chất dùng để kiểm tra độ tin cậy cho xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Tối thiểu 2 nồng độ: bình thường và bất thường. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥100 mẫu/giờ.	ml	900

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
57	Dung dịch rửa hệ thống trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động hoàn toàn.	Hóa chất dùng để rửa hệ thống trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥ 100 mẫu/giờ.	ml	12.480
58	Hóa chất xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động hoàn toàn.	Hóa chất xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu ít nhất 10 thông số trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥ 100 mẫu/giờ.	test	187.500
59	Ống đựng mẫu nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tự động hoàn toàn	Ống nghiệm đựng mẫu nước tiểu để sử dụng trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Đặc điểm: ống trong suốt, bằng nhựa PP, có thể quan sát được màu sắc của nước tiểu; kích thước: Chiều rộng: 16 mm, chiều cao: 100 mm, có nắp đậy kín. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥ 100 mẫu/giờ.	Cái	187.500
60	Cóng phân tích cho xét nghiệm cận lắng nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tự động hoàn toàn	Cóng phân tích cho xét nghiệm cận lắng trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥ 100 mẫu/giờ.	test	2.250
61	Chất chứng xét nghiệm cận lắng nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động hoàn toàn.	Hóa chất dùng để kiểm tra độ tin cậy cho xét nghiệm cận lắng nước tiểu trên máy phân tích nước tiểu tích hợp cận lắng tự động. Tối thiểu 2 nồng độ: bình thường và bất thường. Hệ thống thực hiện xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cận lắng tự động hoàn toàn với công suất ≥ 100 mẫu/giờ.	ml	3.000
62	Xét nghiệm HBV đo tải lượng hệ thống tự động Realtime PCR 1-96 mẫu, kèm tách chiết tự động	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: huyết tương. - Độ nhạy: 50 IU/ml; Giới hạn phát hiện: 50 - 100000000 IU/ml - Thành phần cung cấp: + Bộ kit: 96 ống (0,2ml) thuốc thử RT-PCR (đóng khô), chứng nội IC, chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2, chứng âm.	Test	8.640
63	Xét nghiệm HBV đo tải lượng hệ thống tự động Realtime PCR 8-48 mẫu	Định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR: - Mẫu: huyết tương, huyết thanh - Hệ thống tách chiết virus tự động 8-48 mẫu/lần - Độ nhạy: 50 IU/ml; - Giới hạn phát hiện: 50-100000000 IU/ml - Hệ thống Realtime PCR tự động xây dựng và lưu trữ đường cong chuẩn theo lô sinh phẩm - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	1.875
64	Xét nghiệm HCV đo tải lượng hệ thống tự động Realtime PCR 1-96 mẫu, kèm tách chiết tự động	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Nguồn mẫu: huyết tương. - Độ nhạy: 50 IU/ml; Giới hạn phát hiện: 50 - 100000000 IU/ml - Thành phần cung cấp: + Bộ kit : 96 ống (0,2ml) thuốc thử RT-PCR (đóng khô), chứng nội IC, chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2, chứng âm.	Test	2.880
65	HPV genotype (≥ 14 type nguy cơ cao) Realtime PCR 1-96 mẫu,	Bộ xét nghiệm IVD định tính kiểu gene và định lượng 14 typ Human Papilloma virus nguy cơ cao bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: mẫu phết cổ tử cung, dịch tế bào, sinh thiết từ niêm mạc, mẫu phết dịch niệu đạo - Xác định các typ riêng biệt: 16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, 68, và các typ còn lại	Test	5.000

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
66	Panel chuẩn đoán bệnh đường tiêu hóa 22 căn nguyên (Gastrointestinal Panel)	- Xét nghiệm axit nucleic đa mỗi định tính - Phát hiện 22 tác nhân gây bệnh gồm vi khuẩn, ký sinh trùng và virus trực tiếp từ mẫu phân - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	150
67	DEN IgM IgG test nhanh, đọc kết quả bằng hệ thống tự động	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. - Thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, dung dịch đệm, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette có thể thực hiện trên huyết thanh và huyết tương - Bảo quản: 2-30°C - Thời gian phản ứng: <=20 phút, vạch chứng và vạch mẫu đọc rõ - Có tham gia ngoại kiểm - Đọc kết quả bằng hệ thống tự động và kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	3.200
68	Helicobacter pylori IgG CIM test nhanh	Test nhanh phát hiện đang nhiễm H.pylori dựa trên phát hiện kháng thể CIM (Current Infection Marker) của H. pylori có trong mẫu máu (Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần) Phương pháp sắc ký miễn dịch - Phương pháp thăm thấu 2 chiều. Thời gian phản ứng: <=30 phút, vạch chứng và vạch mẫu đọc rõ Có tham gia ngoại kiểm	Test	30.400
69	Xét nghiệm kháng thể kháng lao (TB test nhanh)	Xét nghiệm nhanh sắc ký miễn dịch phát hiện kháng thể tuberculosis trong máu toàn phần, mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. - Test dạng cassette - Bảo quản: 2-30°C - Thời gian phản ứng: <=20 phút, vạch chứng và vạch mẫu đọc rõ - Có tham gia ngoại kiểm	Test	1.000
70	Strongyloides stercoralis IgG miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgG kháng lại Strongyloides stercoralis dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	7.104
71	Gnathostoma IgG miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgG kháng lại Gnathostoma dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	2.592
72	Fasciola IgG miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgG kháng lại Fasciola dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	1.536
73	Trichinella spiralis IgG miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgG kháng lại Trichinella spiralis dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	384
74	Schistosoma mansoni IgG miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgG kháng lại Schistosoma mansoni dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	288

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
75	Chlamydia pneumoniae IgG miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgG kháng lại Chlamydia pneumoniae dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	192
76	Chlamydia pneumoniae IgM miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgM kháng lại Chlamydia pneumoniae dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	192
77	Chlamydia trachomatis IgM miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch tự động định tính kháng thể IgM kháng lại Chlamydia trachomatis dựa trên kỹ thuật ELISA (Xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết với Enzyme); - Có tham gia ngoại kiểm - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	192
78	Vi nấm định danh bằng hệ thống tự động	Vi nấm định danh bằng hệ thống tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	2.000
79	Vi khuẩn định danh bằng hệ thống tự động	Vi khuẩn định danh bằng hệ thống tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	5.000
80	Kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococcus pneumoniae và Haemophilus influenzae phương pháp vi pha loãng MIC tự động	Kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococcus pneumoniae và Haemophilus influenzae phương pháp vi pha loãng MIC tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	2.000
81	Kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm phương pháp vi pha loãng MIC tự động	Kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm phương pháp vi pha loãng MIC tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	10.000
82	Thử nghiệm Colistin phương pháp vi pha loãng MIC tự động	Thử nghiệm Colistin phương pháp vi pha loãng MIC tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	4.000
83	Kháng nấm đồ phương pháp vi pha loãng MIC tự động	Kháng nấm đồ phương pháp vi pha loãng MIC tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	2.000
84	Kháng sinh đồ vi khuẩn kỵ khí phương pháp vi pha loãng MIC tự động	Kháng sinh đồ vi khuẩn kỵ khí phương pháp vi pha loãng MIC tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	1.000
85	Vi khuẩn/ vi nấm kháng sinh đồ bằng hệ thống tự động	Vi khuẩn/ vi nấm kháng sinh đồ bằng hệ thống tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	12.000
86	Ống xét nghiệm 5 ml 75x12 máy kháng sinh đồ tự động	Ống xét nghiệm vô khuẩn 5 ml 75x12 máy kháng sinh đồ tự động	Cái	50.000
87	Saline 0.45% máy kháng sinh đồ tự động	Saline 0.45% máy kháng sinh đồ tự động	Chai	130
88	Khoanh giấy kháng sinh (các loại)	Khoanh giấy kháng sinh (các loại) nồng độ tiêu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm đánh giá kháng sinh đồ vi khuẩn theo phương pháp khuếch tán đĩa thạch. Khoanh giấy đựng trong cartridge được hàn kín cùng với chất chống ẩm giúp duy trì độ ẩm dưới 2%. Có tham gia ngoại kiểm	Test	20.000
89	Phenol	Phenol	Chai	24
90	Columbia Blood Agar Base	Môi trường thạch máu Columbia nuôi cấy cho các vi sinh vật khó mọc Môi trường dạng bột, đồng nhất	Hộp	200
91	Túi tạo môi trường vi hiếu khí cấy Helicobacter pylori	Túi tạo môi trường vi hiếu khí cấy Helicobacter pylori	Túi	3.000
92	Chủng Escherichia coli ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Escherichia coli ATCC đông khô	Hộp	2
93	Chủng Pseudomonas aeruginosa ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Pseudomonas aeruginosa ATCC đông khô	Hộp	2
94	Chủng Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC đông khô	Hộp	2
95	Chủng Streptococcus pyogenes ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Streptococcus pyogenes ATCC đông khô	Hộp	2
96	Chủng Streptococcus pneumoniae ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Streptococcus pneumoniae ATCC đông khô	Hộp	2

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
97	Chủng Haemophilus influenzae ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Haemophilus influenzae ATCC đông khô	Hộp	2
98	Chủng Stenotrophomonas maltophilia ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Stenotrophomonas maltophilia ATCC đông khô	Hộp	2
99	Chủng Enterococcus casseliflavus ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Enterococcus casseliflavus ATCC đông khô	Hộp	2
100	Chủng Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC đông khô	Hộp	2
101	Chủng Issatchenkia orientalis ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Issatchenkia orientalis ATCC đông khô	Hộp	2
102	Chủng Enterococcus faecalis ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Enterococcus faecalis ATCC đông khô	Hộp	2
103	Chủng Klebsiella pneumoniae subsp pneumoniae ATCC	Que cấy chứa chủng vi sinh Klebsiella pneumoniae subsp pneumoniae ATCC đông khô	Hộp	2
104	Nuôi cấy, phân lập, định danh Group B Streptococcus bằng hệ thống tự động	Nuôi cấy, phân lập, định danh Group B Streptococcus bằng hệ thống tự động Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	4.000
105	Môi trường vận chuyển Group B Streptococcus hệ thống tự động	Vận chuyển, bảo quản mẫu Group B Streptococcus hệ thống tự động	Test	4.000
106	Chất tiền xử lý mẫu để phân tích và định danh bằng hệ thống khối phổ	Chất tiền xử lý mẫu để phân tích và định danh bằng hệ thống khối phổ. Phương pháp phết trực tiếp hoặc ly trích mẫu. Thể tích sử dụng: 1 µl/mẫu Có tham gia ngoại kiểm Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	13.000
107	Chất phá vỡ thành tế bào và tách chiết protein của hầu hết các vi khuẩn Gram dương trong hệ thống khối phổ	Chất phá vỡ thành tế bào và tách chiết protein của hầu hết các vi khuẩn Gram dương trong hệ thống khối phổ Thể tích sử dụng: 1 µl/mẫu	Test	5.000
108	Chất phá vỡ thành tế bào và tách chiết protein của hầu hết các vi khuẩn và nấm đặc biệt là nấm men trong hệ thống khối phổ	Chất phá vỡ thành tế bào và tách chiết protein của hầu hết các vi khuẩn và nấm đặc biệt là nấm men trong hệ thống khối phổ Thể tích sử dụng: 1 µl mỗi lọ/mẫu	Test	2.500
109	Chất phá vỡ thành tế bào và tách chiết protein của hầu hết các vi khuẩn và nấm phần lớn là nấm sợi, nấm men, bào tử, Nocardia trong hệ thống khối phổ	Chất phá vỡ thành tế bào và tách chiết protein của hầu hết các vi khuẩn và nấm phần lớn là nấm sợi, nấm men, bào tử, Nocardia trong hệ thống khối phổ	Test	200
110	Quantiferon TB chẩn đoán nhiễm lao bằng hệ thống tự động	Quantiferon TB chẩn đoán nhiễm lao bằng hệ thống tự động Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	2.000
111	Bộ nhuộm lao huỳnh quang	Bộ nhuộm lao huỳnh quang	Test	20.000
112	Kit phát hiện đồng thời N. Gonorrhoeae/ Chl.trachomatis/ M. Genitalium bằng Realtime PCR kèm tách chiết tự động	Kit phát hiện đồng thời N. Gonorrhoeae/ Chl.trachomatis/ M. Genitalium bằng Realtime PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	384
113	Kit phát hiện Streptococcus nhóm B (GBS) bằng Realtime PCR kèm tách chiết tự động	Kit phát hiện Streptococcus nhóm B (GBS) bằng Realtime PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	672
114	Kit Pneumocystis jirovercii (carinii) định tính (Realtime PCR) kèm tách chiết tự động	Kit Pneumocystis jirovercii (carinii) định tính (Realtime PCR) kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	672
115	Phát hiện Candida bằng realtime PCR kèm tách chiết tự động	Phát hiện Candida bằng realtime PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	672
116	Phát hiện HSV 1,2 bằng realtime PCR kèm tách chiết tự động	Phát hiện HSV 1,2 bằng realtime PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	672
117	Phát hiện vi khuẩn hiếu khí trong mẫu máu bằng realtime PCR kèm tách chiết tự động	Phát hiện vi khuẩn hiếu khí trong mẫu máu bằng realtime PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	1.920
118	Phát hiện và phân biệt gen kháng kháng sinh (VIM, IMP, NDM) trong Enterobacteriaceae và NFGNB từ bệnh phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR kèm tách chiết tự động	Phát hiện và phân biệt gen kháng kháng sinh (VIM, IMP, NDM) trong Enterobacteriaceae và NFGNB từ bệnh phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	1.920
119	Phát hiện và phân biệt gen kháng kháng sinh (KPC, OXA) trong Enterobacteriaceae và NFGNB từ bệnh phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR kèm tách chiết tự động	Phát hiện và phân biệt gen kháng kháng sinh (KPC, OXA) trong Enterobacteriaceae và NFGNB từ bệnh phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	1.920

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng
120	Kit phát hiện N. meningitidis, H. influenzae, S. pneumoniae Meningitidis, phân biệt và định tính (Realtime PCR) kèm tách chiết tự động	Kit phát hiện N. meningitidis, H. influenzae, S. pneumoniae Meningitidis, phân biệt và định tính (Realtime PCR) kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	384
121	Kit Mycoplasma pneumoniae, Chlamydia pneumoniae, Legionella pneumophila định tính (Realtime PCR) kèm tách chiết tự động	Kit Mycoplasma pneumoniae, Chlamydia pneumoniae, Legionella pneumophila định tính (Realtime PCR) kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	384
122	Phát hiện Campylobacter, Clostridium difficile toxic A/B, Shigella, Salmonella, EIEC từ bệnh phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR kèm tách chiết tự động	Phát hiện Campylobacter, Vibrio, Clostridium difficile toxic A/B, Shigella, Salmonella, EIEC từ bệnh phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR kèm tách chiết tự động - Kết nối dữ liệu với hệ thống LIS	Test	384
123	Mueller Hinton Broth (Cation-Adjusted)	Mueller Hinton Broth (Cation-Adjusted) bao gồm ion Mg và Ca	Chai/500g	20
124	E test (các loại kháng sinh)	Que E test (các loại kháng sinh) xác định nồng độ ức chế tối thiểu vi sinh vật	Test	1.000

BÁO GIÁ ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Nhân dân Gia Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhân dân Gia Định, chúng tôi.... ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

<i>STT</i>	<i>Danh mục thiết bị y tế⁽²⁾</i>	<i>Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất⁽³⁾</i>	<i>Mã HS⁽⁴⁾</i>	<i>Tính năng, thông số kỹ thuật</i>	<i>Năm sản xuất⁽⁵⁾</i>	<i>Xuất xứ⁽⁶⁾</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng/ khối lượng⁽⁷⁾</i>	<i>Đơn giá⁽⁸⁾ (VNĐ)</i>	<i>Chi phí cho các dịch vụ liên quan⁽⁹⁾ (VNĐ)</i>	<i>Thuế, phí, lệ phí (nếu có)⁽¹⁰⁾ (VNĐ)</i>	<i>Thành tiền⁽¹¹⁾ (VNĐ)</i>
<i>1</i>	<i>A</i>											
<i>2</i>	<i>B</i>											
<i>n</i>	<i>...</i>											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.